

Số: /KH-UBND

Vĩnh Thủy, ngày tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

Truyền thông, vận động, giáo dục về dân số trên địa bàn xã Vĩnh Thủy

Căn cứ Kế hoạch số 5224/KH-SYT ngày 25/08/2026 của Sở Y tế tỉnh Quảng Trị về truyền thông, vận động, giáo dục về dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ tình hình thực tế công tác dân số và phát triển trên địa bàn xã Vĩnh Thủy, UBND xã Vĩnh Thủy xây dựng Kế hoạch truyền thông vận động, giáo dục về dân số trên địa bàn xã Vĩnh Thủy, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác dân số. Quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về dân số, đó là “Dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu của sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc” để giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về dân số gắn với phát triển nhanh và bền vững đất nước. Thống nhất nhận thức của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội về thực hiện công tác dân số. Nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức và cá nhân; bảo đảm triển khai thống nhất, hiệu quả Luật Dân số và các văn bản hướng dẫn thi hành; đồng thời phát huy vai trò của truyền thông chính sách trong tổ chức thi hành pháp luật và huy động sự tham gia của toàn xã hội đối với công tác dân số.

Cụ thể hóa việc triển khai Quyết định số 2358/QĐ-BYT của Bộ Y tế, bảo đảm hoạt động truyền thông, vận động, giáo dục về dân số trên địa bàn xã được triển khai thống nhất, đồng bộ, thường xuyên và hiệu quả.

2. Yêu cầu

- Chính xác, khoa học, kịp thời, rõ ràng, dễ hiểu, thiết thực.
- Bảo đảm sự thống nhất, tính đồng bộ về nội dung, thông điệp truyền thông từ Trung ương đến địa phương, cơ sở.
- Phù hợp với truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, đạo đức xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán, phát huy giá trị gia đình, gắn kết cộng đồng, xóa bỏ định kiến giới.
- Truyền thông phải lấy người dân làm trung tâm, hướng tới thay đổi hành vi, phù hợp với đặc điểm của địa bàn, nhóm đối tượng được truyền thông, vận động, giáo dục về dân số.
- Kết hợp giữa truyền thông truyền thống và hiện đại, đặc biệt là tận dụng lợi thế của truyền thông số, truyền thông xã hội; phù hợp với tình hình và thực trạng dân số trong từng thời kỳ.

II. NỘI DUNG TRUYỀN THÔNG, VẬN ĐỘNG, GIÁO DỤC VỀ DÂN SỐ

1. Đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số

- Quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng thông qua truyền thông, vận động, giáo dục:

+ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

+ Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

+ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

+ Nghị quyết số 262/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu Quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035.

+ Nghị quyết số 34/NQ-CP ngày 5/03/2026 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 262/2025/QH15.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dân số và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Dân số 113/2025/QH15 năm 2025. Truyền thông, vận động, giáo dục về các nội dung Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 và các chương trình, đề án thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 149-KL/TW; Kế hoạch số 1815/KH-UBND ngày 07/11/2025 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Kết luận số 149-KL/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội Đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030.

- Truyền thông chính sách đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về dân số trong quá trình xây dựng và hoàn thiện chính sách, nâng cao chất lượng chính sách, góp phần tạo sự đồng thuận xã hội và hiệu quả thi hành pháp luật sau khi văn bản được ban hành.

2. Các nội dung truyền thông, vận động, giáo dục chung

2.1. Vai trò của cá nhân, cặp vợ chồng trong việc sinh con để bảo đảm phát triển bền vững đất nước và hạnh phúc của người dân

- Tiếp tục thực hiện truyền thông vận động về việc mỗi cá nhân, cặp vợ chồng quyết định về thời gian sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh

phù hợp với lứa tuổi, tình trạng sức khỏe, điều kiện học tập, lao động, thu nhập và nuôi dạy con của mỗi cá nhân, cặp vợ chồng trên cơ sở bình đẳng. Đẩy mạnh tuyên truyền việc sinh đủ 02 con trước 35 tuổi; lợi ích của việc không kết hôn muộn, không sinh con quá muộn, không sinh ít con đối với phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời tuyên truyền về các yếu tố bất lợi của việc kết hôn quá sớm, sinh con quá sớm, sinh con quá dày đối với nam, nữ thanh niên, các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ để nâng cao chất lượng dân số.

- Tuyên truyền các quy định tại Điều 14 Luật Dân số năm 2025; Điều 2, Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 quy định về điều kiện, thủ tục hưởng chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai; mức hỗ trợ tài chính và trình tự, thủ tục thực hiện việc hỗ trợ tài chính khi sinh con.

- Truyền thông về hệ lụy khi mức sinh giảm thấp: Mức sinh thấp kéo dài sẽ tác động trực tiếp đến quy mô, cấu trúc, chức năng của gia đình và ảnh hưởng đến khả năng duy trì quy mô và cơ cấu dân số hợp lý, phát triển nguồn nhân lực và bảo đảm an sinh xã hội trong dài hạn; kéo theo nhiều hệ lụy như thiếu hụt lực lượng lao động, thu hẹp quy mô dân số, đẩy nhanh quá trình già hóa dân số và gia tăng các dòng di cư.

2.2. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, gia đình, người sử dụng lao động; lợi ích của cộng đồng, xã hội và quốc gia trong thực hiện công tác dân số

- Truyền thông nâng cao nhận thức về quyền và nghĩa vụ của cá nhân, gia đình, người sử dụng lao động; đồng thời làm rõ lợi ích của cộng đồng, xã hội và quốc gia trong thực hiện công tác dân số. Đề cao tính gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật về dân số, tích cực vận động, khuyến khích các cặp vợ chồng, cá nhân chủ động thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, không lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức, sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc, chủ động chuẩn bị cho tuổi già, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

- Vai trò của Nhà nước là cung cấp đầy đủ thông tin khoa học, đồng thời xây dựng và triển khai các chính sách hỗ trợ về y tế, việc làm, an sinh xã hội và chăm sóc trẻ em, nhằm tạo điều kiện để người dân thực hiện quyền sinh con một cách an toàn, chủ động và có trách nhiệm. Hướng dẫn người dân tiếp cận thông tin chính thống, nâng cao khả năng nhận diện, phòng ngừa thông tin sai sự thật, thông tin chưa được kiểm chứng về công tác dân số trên không gian mạng.

2.3. Giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, hệ lụy của việc mất cân bằng giới tính khi sinh

- Tăng cường truyền thông, giáo dục về các quy định tại Điều 15 Luật Dân số năm 2025 về giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; quy định xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi theo Nghị định số 90/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y

tế; các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức; nghiêm cấm thông báo, tiết lộ giới tính thai nhi, trừ trường hợp quy định tại Thông tư số 11/2026/TT-BYT ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục các bệnh được thông báo, tiết lộ giới tính thai nhi để phục vụ chẩn đoán và điều trị; thực trạng, nguyên nhân, hệ lụy của mất cân bằng giới tính khi sinh đối với sự phát triển bền vững của mỗi địa phương và đất nước.

- Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi về giới và bình đẳng giới, nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Nâng cao trách nhiệm của nam giới trong chăm sóc sức khỏe sinh sản và nuôi dạy con, xây dựng gia đình hạnh phúc.

- Khuyến khích, khen thưởng đưa nội dung không trọng nam hơn nữ, không lựa chọn giới tính khi sinh vào hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

2.4. Thích ứng với già hóa dân số, chuẩn bị cho tuổi già ngay từ khi còn trẻ

- Nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho người cao tuổi tại cộng đồng, các biện pháp thích ứng với già hóa dân số, chủ động chuẩn bị cho tuổi già, phát triển đa dạng các hình thức chăm sóc người cao tuổi; hỗ trợ nâng cao năng lực tự chăm sóc và khả năng tham gia các hoạt động xã hội của người cao tuổi phù hợp mức độ tự chủ, nhu cầu của từng nhóm người cao tuổi. Khuyến khích người cao tuổi tiếp tục phát huy kinh nghiệm, tri thức, kỹ năng, tham gia lao động phù hợp, hoạt động xã hội; xây dựng gia đình, cộng đồng và phát triển đất nước.

- Vận động xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, hạnh phúc, tạo điều kiện để người cao tuổi tiếp cận thuận lợi các dịch vụ y tế, chăm sóc xã hội, văn hóa, giáo dục, công nghệ số và giao thông phù hợp.

- Cung cấp kiến thức, hướng dẫn kỹ năng để người cao tuổi duy trì, nâng cao sức khỏe thể chất, tinh thần và chức năng xã hội. Tuyên truyền, vận động, giáo dục về các nội dung chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng theo hướng dẫn tại Quyết định số 1976/QĐ-BYT ngày 01/7/2026 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn chuyên môn về chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng. Truyền thông nâng cao nhận thức về phòng, chống bạo lực, ngược đãi, lừa đảo và các hành vi xâm hại người cao tuổi; chăm sóc sức khỏe tinh thần, chống cô đơn, cô lập xã hội đối với người cao tuổi.

2.5. Khuyến khích người dân chăm sóc sức khỏe phù hợp với từng nhóm đối tượng; chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; dự phòng vô sinh, điều trị vô sinh. Ứng dụng công nghệ số trong chăm sóc sức khỏe và nâng cao chất lượng dân số

- Truyền thông, vận động, giáo dục sâu rộng về lợi ích của việc tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh, giúp nam, nữ thanh niên chủ động tầm soát các bệnh di truyền và truyền

nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khuyến khích mọi gia đình thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh theo danh mục bệnh bẩm sinh cần sàng lọc trước sinh và sơ sinh của Bộ Y tế.

- Tiếp tục truyền thông, vận động, giáo dục các quy định về cấm tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, hệ lụy của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống nhằm xóa bỏ nạn tảo hôn và kết hôn cận huyết thống; đồng thời cảnh báo các hệ lụy nghiêm trọng của việc mang thai và sinh con ở tuổi chưa thành niên đối với sức khỏe của cả mẹ và bé. Ưu tiên cung cấp kiến thức toàn diện về sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục cho các nhóm đối tượng đặc thù như người chưa thành niên, thanh niên và công nhân tại các công ty góp phần dự phòng vô sinh, giảm mang thai ngoài ý muốn, giảm phá thai không an toàn và nâng cao chất lượng dân số.

2.6. Giáo dục dân số phù hợp trong từng cấp học

Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường; bảo đảm trang bị cho thế hệ trẻ hệ thống kiến thức và kỹ năng đúng đắn, phù hợp. Đồng thời, lồng ghép phổ biến các quy định pháp luật về dân số, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, trẻ em và các lĩnh vực có liên quan phù hợp với từng cấp học, trình độ đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Bộ Y tế, góp phần hình thành ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật cho học sinh, sinh viên ngay từ trong nhà trường; góp phần xây dựng thế hệ trẻ phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần và kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong thời kỳ mới.

III. ĐỐI TƯỢNG TRUYỀN THÔNG, VẬN ĐỘNG, GIÁO DỤC

1. Đối tượng truyền thông, vận động, giáo dục về dân số

Đối tượng truyền thông, vận động, giáo dục về dân số là cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân có quyền được tiếp nhận thông tin, giáo dục, truyền thông về dân số và tham gia truyền thông, vận động, giáo dục về dân số.

1.1. Nhóm đối tượng lãnh đạo, quản lý

- Cấp ủy đảng.
- Hội đồng nhân dân.
- Ủy ban nhân dân.
- Thành viên Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển.
- Người đứng đầu các ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị và địa phương.

****Nội dung truyền thông trọng tâm***

- Chủ trương, chính sách của Đảng về công tác dân số trong tình hình mới.
- Pháp luật của Nhà nước về dân số và phát triển.
- Vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác dân số.
- Lồng ghép các mục tiêu dân số vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Công tác chỉ đạo, điều hành, huy động nguồn lực, bố trí kinh phí và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về dân số và phát triển.
- Những vấn đề dân số mới phát sinh và các giải pháp thích ứng trong bối cảnh già hóa dân số, chuyển đổi số và phát triển bền vững.

1.2. Nhóm cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng làm công tác dân số và các cá nhân trong cộng đồng

- Cán bộ, viên chức ngành Y tế.
- Cán bộ các ban, ngành, đoàn thể.
- Cán bộ dân số.
- Nhân viên y tế cơ sở.
- Cộng tác viên Dân số.
- Báo cáo viên, tuyên truyền viên.
- Cán bộ truyền thông, cán bộ văn hóa - thông tin cơ sở.

***Nội dung truyền thông trọng tâm**

- Chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về dân số và phát triển.
- Kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ dân số.
- Kỹ năng truyền thông, vận động và tư vấn thay đổi hành vi.
- Kỹ năng truyền thông số, quản trị nền tảng số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong truyền thông.
- Chia sẻ kinh nghiệm, mô hình hay, sáng kiến hiệu quả trong công tác dân số.

2. Các nhóm đối tượng ưu tiên truyền thông, vận động, giáo dục về dân số

2.1. Nhóm người chưa thành niên

Đây là nhóm đối tượng ưu tiên nhằm hình thành nhận thức và hành vi đúng ngay từ sớm, góp phần nâng cao chất lượng dân số và phát triển nguồn nhân lực.

***Nội dung truyền thông trọng tâm**

- Giáo dục kỹ năng sống.
- Chăm sóc sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục.
- Bình đẳng giới, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới.
- Phòng chống xâm hại trẻ em, phòng chống mang thai ngoài ý muốn.
- Định hướng nghề nghiệp, phát triển kỹ năng, khởi nghiệp và chuyển đổi số.
- Khám sức khỏe trước kết hôn.
- Trách nhiệm xây dựng gia đình hạnh phúc.

2.2. Nhóm người trong độ tuổi sinh sản

Đây là nhóm đối tượng trọng tâm của công tác truyền thông dân số trong giai đoạn hiện nay.

***Nội dung truyền thông trọng tâm**

- Duy trì mức sinh hợp lý và sinh đủ hai con trước tuổi 35; lợi ích của việc không kết hôn muộn, không sinh con quá muộn.
- Chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình.

- Khám sức khỏe trước kết hôn.
- Chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em.
- Sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh.
- Phòng chống bệnh, tật bẩm sinh và bệnh Thalassemia.
- Bình đẳng giới, chia sẻ trách nhiệm chăm sóc con giữa nam và nữ.

2.3. Nhóm người cao tuổi

Truyền thông nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, phát huy vai trò của người cao tuổi và thích ứng với già hóa dân số.

*** Nội dung truyền thông trọng tâm**

- Già hóa khỏe mạnh.
- Hướng dẫn người cao tuổi cách tự phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe.
- Phòng chống bệnh không lây nhiễm và bệnh mạn tính.
- Cung cấp kiến thức, hướng dẫn kỹ năng để người cao tuổi duy trì, nâng cao sức khỏe thể chất, tinh thần và chức năng xã hội.
- Chăm sóc dài hạn và chăm sóc tại gia đình.
- Phát huy vai trò người cao tuổi trong gia đình và cộng đồng.
- Chính sách của Nhà nước đối với người cao tuổi.

2.4. Các nhóm đối tượng đặc thù

- Người di cư, người khuyết tật, người có nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm.
- Người sử dụng lao động.
- Người có uy tín trong cộng đồng.

*** Nội dung truyền thông trọng tâm**

- Chính sách dân số và phát triển phù hợp với từng nhóm đối tượng.
- Chăm sóc sức khỏe sinh sản; nâng cao chất lượng dân số.
- Phòng chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và lựa chọn giới tính thai nhi.
- Bình đẳng giới, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc.
- Chuyển đổi số trong tiếp cận thông tin và dịch vụ dân số.
- Trách nhiệm của cộng đồng, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và các cá nhân trong thực hiện công tác dân số và phát triển.

IV. HÌNH THỨC TRUYỀN THÔNG, VẬN ĐỘNG, GIÁO DỤC VỀ DÂN SỐ

- Triển khai đa dạng, linh hoạt các hình thức truyền thông, vận động, giáo dục về dân số, kết hợp truyền thông trực tiếp, truyền thông gián tiếp, chiến dịch, sự kiện, cuộc thi và các mô hình truyền thông, giáo dục trong và ngoài nhà trường; bảo đảm phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn và nội dung dân số.

- Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số, nền tảng số, mạng xã hội và các phương thức truyền thông đa phương tiện hiện đại; tăng cường tương tác, cá thể hóa nội dung và đo lường hiệu quả truyền thông nhằm mở rộng khả năng tiếp cận và thúc đẩy thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi của người dân.

- Cung cấp các tài liệu, sản phẩm truyền thông về dân số và phát triển dưới nhiều hình thức như: tờ rơi, sách mỏng, tranh lật, pa-nô, áp-phích, bản tin chuyên

đề, video clip, infographic, phát thanh, podcast và nội dung truyền thông trên nền tảng số, mạng xã hội; ưu tiên khai thác, phổ biến các sản phẩm truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng và phục vụ các chiến dịch, sự kiện, ngày kỷ niệm về dân số trong năm.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện kế hoạch được bố trí từ các chương trình, đề án, dự án của Trung ương và của tỉnh có liên quan theo quy định; kinh phí hỗ trợ của địa phương (nếu có); khuyến khích lòng ghép, huy động nguồn xã hội hóa, viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân. Bảo đảm quản lý, sử dụng kinh phí đúng quy định, hiệu quả, tiết kiệm và phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hoá - xã hội

- Chủ trì tham mưu UBND xã, Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển xã chỉ đạo, điều phối và tổ chức thực hiện kế hoạch; chỉ đạo xây dựng kế hoạch truyền thông hằng năm; trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn; chỉ đạo chuẩn hóa nội dung, thông điệp, tài liệu và định hướng truyền thông thống nhất trên địa bàn xã; tham mưu, bố trí, huy động và sử dụng nguồn lực thực hiện kế hoạch.

- Chỉ đạo Trạm Y tế xã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn; chủ trì phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị trong triển khai các chương trình, chiến dịch, sự kiện truyền thông; chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong truyền thông dân số.

- Chủ trì kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch trên phạm vi toàn xã; chỉ đạo xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá và các chỉ số kết quả; tổ chức sơ kết, tổng kết; tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền; kịp thời tham mưu giải quyết khó khăn, vướng mắc, biểu dương, khen thưởng và nhân rộng các mô hình, sáng kiến hiệu quả.

2. Trạm Y tế xã

- Là cơ quan đầu mối chuyên môn tham mưu Phòng Văn hoá - xã hội, Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển xã, UBND xã tổ chức thực hiện kế hoạch; xây dựng kế hoạch truyền thông hằng năm; phối hợp, hướng dẫn các ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị liên quan và các thôn triển khai các hoạt động truyền thông; theo dõi, đôn đốc và tổng hợp kết quả thực hiện.

- Chủ trì cập nhật và hướng dẫn sử dụng thống nhất bộ thông điệp, tài liệu, sản phẩm và bộ nhận diện truyền thông dân số; xây dựng, quản lý và vận hành các nền tảng, dữ liệu truyền thông số; sản xuất, cung cấp các sản phẩm truyền thông đa phương tiện; tổ chức các chiến dịch, sự kiện truyền thông cấp xã và phối hợp với Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã, các cơ quan, đơn vị, các thôn triển khai hoạt động truyền thông theo kế hoạch.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ làm Công tác viên Dân số; nghiên cứu, khảo sát nhu cầu và đánh giá hiệu quả truyền thông; đề xuất nội dung, hình thức, mô hình và giải pháp đổi mới, ứng dụng chuyển đổi số, công nghệ và trí tuệ nhân tạo trong truyền thông dân số.

- Thực hiện theo dõi, thu thập số liệu, tổng hợp và đánh giá kết quả hoạt động truyền thông; cung cấp thông tin phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của Chi cục Dân số tỉnh; định kỳ báo cáo UBND xã, Chi cục Dân số tỉnh và tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông, vận động, giáo dục về dân số.

- Chỉ đạo duy trì hoạt động của mạng lưới Công tác viên Dân số; tăng cường truyền thông trực tiếp đến hộ gia đình, nhóm đối tượng đặc thù và các địa bàn trọng điểm.

3. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã

Phối hợp với Trạm Y tế xã triển khai các hoạt động truyền thông vận động, giáo dục về dân số trên địa bàn xã theo kế hoạch.

4. Các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị liên quan, các trường học, các thôn

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Trạm Y tế xã chỉ đạo, lồng ghép triển khai các nội dung truyền thông, vận động, giáo dục về dân số vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm.

- Phối hợp với Trạm Y tế xã tổ chức thực hiện thống nhất về nội dung, thông điệp và hình thức truyền thông phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong phạm vi quản lý.

Trên đây là Kế hoạch truyền thông, vận động, giáo dục về dân số trên địa bàn xã Vĩnh Thủy, UBND xã đề nghị các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị liên quan, các trường học, các thành viên Ban chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển xã, các thôn trên địa bàn xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị có văn bản gửi về Trạm Y tế xã để được hướng dẫn hoặc tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Chi cục Dân số tỉnh (b/c);
- TT Đảng uỷ, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã (b/c);
- Thành viên BCD công tác DS&PT xã;
- TT UBMTTQVN xã và các đoàn thể;
- Phòng VH-XH xã;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã (p/h);
- Trạm Y tế xã (t/h);
- Các trường học (p/h);
- Các thôn (p/h);
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Duy Hoài